

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

Bản án số: 85/2018/HS-ST

Ngày: 10/ 7 /2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Bà Lê Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2018/TLST - HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/HSST – QĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977; ĐKKHKT: Khu 2 thị trấn G, huyện G, tỉnh H; Chỗ ở: Số 5 ngách 3 ngõ 189 Cầu Diễn, phường P, quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Huy T, sinh năm 1952; Con bà: Tăng Thị H, sinh năm: 1955; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Quách Tiến Đ (đã chết); Có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 91 ngày 8 tháng 02 năm 2018 của Công an quận T lập và lý lịch địa pH cung cấp, bị cáo chưa có tiền sự, có 02 tiền án (đều chưa được xóa án tích):

Bản án số 170/2014/HSST, ngày 15/7/2014, Tòa án nhân dân quận G xử phạt Nguyễn Thị H 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.(Bị cáo kháng cáo)

Bản án số 748/2014/HSPT, ngày 20/9/2014, Tòa án nhân thành phố H xét xử phúc thẩm Nguyễn Thị H 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Hành vi phạm tội ngày 21/3/2014).

Bản án số 146/2015/HSST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân quận H xử phạt Nguyễn Thị H 10 tháng tù + 06 tháng tù của bản án số 748/2014/HSPT, ngày 20/9/2014, Tòa án nhân thành phố H. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành chung cho hai bản án là 16 tháng tù. (Hành vi phạm tội ngày 03/9/2014)

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 03/02/2018, đến ngày 09/02/2018 bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị bắt thi hành án ngày 06/3/2018 theo quyết định thi hành án số 09/2017/QĐ – CA ngày 26/4/2017 của TAND quận Bắc Từ

Liêm, thành phố H. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Phú S 4 Tổng cục VIII- Bộ công an.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Chị Bùi Thị Thanh H– Sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 10 ngách 444/8 Thụy Khuê, phường B, quận T, thành phố H (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

-Anh Lê Văn C – Sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, quận B, thành phố H. (vắng mặt)

-Anh Lê Hoàng S – Sinh năm 1995; Địa chỉ: Phường B, thành phố N, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/01/2018, qua mạng Internet Nguyễn Thị H biết chị Bùi Thị Thanh H tại địa chỉ số 10 ngách 444/8 Thụy Khuê, phường B, quận T, Hà Nội đang cần tìm người giúp việc. H đã chủ động liên hệ với chị H để xin làm người giúp việc. H giới thiệu với chị H tên là Hà, nhà ở dốc Tam Đa (H lấy tên mẹ đẻ). Chị H đồng ý nhận H làm người giúp việc với mức lương 6.000.000đ/1 tháng. Ngày 26/01/2018 H bắt đầu đến nhà chị H để làm giúp việc theo lịch buổi sáng từ 08 giờ đến 12 giờ, buổi chiều từ 15 giờ đến 20 giờ tối. Đến khoảng 08 giờ ngày 31/01/2018, H có mặt tại nhà chị H để làm việc. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, chị H đưa con gái đi học, lúc này H đang dọn phòng ngủ của chị H tại tầng 3. Khi chị H ra khỏi phòng H nhìn thấy 02(hai) chiếc điện thoại Iphone 7plus được đặt ở cuối giường trên giường con trai chị H đang nằm ngủ ở vị trí gần mép giường phía ngoài, gần cửa ra vào. Lợi dụng lúc này chồng chị H cũng đang ngủ tại tầng 2, H nảy sinh ý định lấy trộm hai chiếc điện thoại Iphone 7 plus nói trên. H lấy hai chiếc điện thoại nhét vào hai bên túi áo khoác màu đen đang mặc, sau đó H đi xuống tầng 1. Sau khi xuống đến tầng 1, H nhìn thấy 03 (ba) chiếc xe đạp xếp thẳng hàng, song song với nhau. H liền nảy sinh ý định lấy trộm cắp 01 chiếc xe đạp để làm phương tiện tẩu thoát. H liền dắt chiếc xe đạp hiệu Cube màu S bạc dựng phía ngoài cùng đi ra phía ngoài cửa và ngồi lên xe, sau đó đạp xe đi về hướng phía ngoài ngõ 444 đường Thụy Khuê- Bưởi- Tây Hồ- Hà Nội. Khi H đạp xe đi được khoảng 50m, thì gặp chị H đi về. Chị H hỏi H “Chị đi đâu đấy?”, H nói dối “Chị đi mua đồ ăn sáng”. Sau đó H đạp xe về phòng trọ của mình tại số 5 ngách 189/3 đường Cầu Diễn, phường P, quận B, Hà Nội. H giấu chiếc xe đạp trong phòng trọ của mình, còn hai chiếc điện thoại Iphone trộm cắp được H cất vào chiếc tủ nhựa trong phòng trọ.

Đến khoảng 09 giờ ngày 02/02/2018, H mang một chiếc điện thoại Iphone Plus màu đen mặt sau có ghi Model A1784 trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại di động M tại số 104 đường K2, phường C, quận N, H để bán. H nói dối với anh C là con H bị tai nạn đang nằm viện, H muốn bán chiếc điện thoại để lo cho con, do là điện thoại của con nên H không biết mật khẩu. Anh C nói “Nếu không biết mật khẩu chỉ mua được với giá linh kiện là 3.500.000đồng”. H đồng ý. C gọi điện cho Lê Hoàng S, sinh năm 1995, HKTT: B, thành phố N, tỉnh N là người quen của C để hỏi có mua điện thoại không vì S có nhờ C mua giúp S 01 màn hình điện thoại Iphone 7. Sau đó, S cầm 3.500.000 đồng đến quán của C đưa cho H để mua chiếc

điện thoại Iphone trên. Sau khi bán điện thoại xong H cầm tiền và đi về phòng trọ của mình. Số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) Nguyễn Thị H đã dùng để mua thuốc cho con gái nhỏ bị ốm và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/01/2018, bị hại là chị Bùi Thị Thanh H, có đơn trình báo về việc mất trộm 02 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen và 01 chiếc xe đạp địa hình nhãn hiệu Cube.

Ngày 05/02/2018, Lê Hoàng S đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01(một) chiếc điện thoại di động Iphone7plus màu đen đã mua của H để phục vụ điều tra.

Ngày 03/02/2018, Cơ quan điều tra ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với H. H đã giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen còn lại H cất giấu tại chiếc tủ nhựa trong phòng trọ và 01 chiếc xe đạp địa hình hiệu Cube tại phòng trọ của H. Ngoài ra, thu giữ của H: 01 điện thoại Nokia màu đen số imei 351859072266756 đã qua sử dụng;

Tại kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 07/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng quận T kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động iphone 7 plus màu đen số imei:355345080012248 trị giá 13. 000.000 đồng
- 01 chiếc điện thoại di động iphone 7 plus màu đen số imei: 359218072775534 trị giá 12. 000.000 đồng
- 01 xe đạp điện địa hình hiệu Cube trị giá 10.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản H trộm cắp 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của H phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Ngày 11/4/2018, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị H 02 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen và 01 xe đạp điện địa hình hiệu Cube. Chị H đã nhận lại tài sản, không có đề nghị về bồi thường dân sự và yêu cầu xử lý đối tượng theo quy định pháp luật.

Đối với Lê Văn C là chủ cửa hàng điện thoại di động và Lê Hoàng S là người C giới thiệu đến mua điện thoại của H. C và S đều khai không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là do H trộm cắp mà có. Lời khai của C, S phù hợp với lời khai của H. Vì vậy không có căn cứ xử lý đối với Lê Văn C, Lê Hoàng S.

Bản cáo trạng số 80/CT – VKSTH ngày 23 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội : “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như tại cơ quan điều tra và như bản cáo trạng đã truy tố .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s

Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Về hình phạt đề nghị xử phạt Nguyễn Thị H từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt bị cáo H chưa chấp hành của bản án số 146/2015/HSST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân quận H (được trừ thời hạn tạm giữ, thời hạn đã chấp hành của bản án bản án số 146/2015/HSST ngày 29/5/2015)

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng:

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại Nokia màu đen số imei 351859072266756 đã qua sử dụng;

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 3.500.000 đồng sung nộp ngân sách nhà nước.

Nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định, lời khai người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm Sát đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 08 giờ ngày 31/01/2018, Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động iphone 7 plus màu đen số imei:355345080012248 trị giá 13. 000.000 đồng. 01 chiếc điện thoại di động iphone 7 plus màu đen số imei: 359218072775534 trị giá 12. 000.000 đồng và 01 xe đạp điện địa hình hiệu Cube trị giá 10.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản H trộm cắp 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo

về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội .

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ và gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Nhân thân bị cáo có 02 có tiền án đều chưa được xóa án tích: Ngày 20/9/2014, Tòa án nhân thành phố H xét xử phúc thẩm Nguyễn Thị H 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (hành vi phạm tội ngày 21/3/2014) theo bản án số 748/2014/HSPT. Ngày 29/5/2015, Tòa án nhân dân quận H xử phạt Nguyễn Thị H 10 tháng tù (hành vi phạm tội ngày 03/9/2014) + 06 tháng tù của bản án số 748/2014/HSPT của Tòa án nhân dân thành phố H. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 16 (mười sáu) tháng tù. Bị cáo bị bắt thi hành án ngày 06/3/2018. Như vậy, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, ngày 25/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị H về hành vi trộm cắp tài sản tại số 19, ngõ 26, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố H càng thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, lười lao động, muốn có tiền ăn tiêu nên cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Xét hành vi và tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần áp dụng một hình phạt tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung như phạt tiền: Xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng.

Đại diện VKS đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Bùi Thị Thanh H là người bị hại đã nhận lại tài sản, không đề nghị về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Anh Lê Hoàng S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về việc bồi thường số tiền 3.500.000 đã mua điện thoại của bị cáo nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại Nokia màu đen số imei 351859072266756 đã qua sử dụng không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) do bị cáo bán chiếc điện thoại của chị Bùi Thị Thanh H cho anh Lê Hoàng S, mặc dù anh S không yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải truy nộp số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với Lê Văn C là chủ cửa hàng điện thoại di động và Lê Hoàng S là người C giới thiệu đến mua điện thoại của H. C và S đều khai không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là do H trộm cắp mà có. Lời khai của C, S phù hợp với lời khai của H. Vì vậy không có căn cứ xử lý đối với Lê Văn C, Lê Hoàng S.

[6] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 .

-Xử phạt: Nguyễn Thị H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 16 (Mười sáu) tháng tù của bản án số 146/2015/HSST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung 40 (bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án của bản án 146/2015/HSST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân quận H là ngày 06/3/2018, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/2/2018 đến ngày 09/02/2018 và được trừ thời gian tạm giữ theo bản án 146/2015/HSST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân quận H từ ngày 04/4/2014 đến ngày 10/4/2014 và từ ngày 12/9/2014 đến ngày 13/9/2014.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại Nokia màu đen, số imei 351859072266756 đã qua sử dụng;

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

(Tang vật có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2018).

3. Hình phạt bổ sung: Không

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND TP HN;
- Công an Q.T
- Viện kiểm sát ND Q.T;
- Chi cục THA DS Q. T;
- Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Giang